

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 118/XN-KSBT)

- Tên mẫu: NƯỚC SINH HOẠT 63
- Mã số mẫu: 24.12.13 - 118/GS - NSH
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 13/12/2024
- Ngày nhận mẫu: 13/12/2024
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 13/12/2024 đến 24/12/2024.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại hộ gia đình Nguyễn Thị Dung (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Liêm Tuyền).



- Địa chỉ: Thôn Văn Lâm, Liêm Tiết, Phủ Lý, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 20 ngày 13/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.
 - Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCĐP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		8,4	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pemanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	1,44	2
6	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194: 1996	mg/L	64,5	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	TCVN 6224:1996	mg/L	156	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	276	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms ^(*)	TCVN	CFU/	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli ^(*)	6187-1:2019	100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

- Ghi chú: KPH là không phát hiện.
Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC SINH HOẠT 63” trên đạt 12 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCĐP 01:2022/HN.

Hà Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2024
KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KHOA XN-CĐHA-TDCN



GIÁM ĐỐC
VŨ KIM

Vũ Hải Giang

Nguyễn Trung Thành Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 117/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC SINH HOẠT 62**
- Mã số mẫu: 24.12.13 - 117/GS - NSH
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 13/12/2024
- Ngày nhận mẫu: 13/12/2024
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 13/12/2024 đến 24/12/2024.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại hộ gia đình Đinh Văn Quân (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Liêm Tuyền).

Địa chỉ: Ngái Trì, Liêm Tuyền, Phủ Lý, Hà Nam.

- Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 20 ngày 13/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCDP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		8,3	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	1,60	2
6	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194: 1996	mg/L	65,9	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	TCVN 6224:1996	mg/L	158	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	281	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms ^(*)	TCVN	CFU/	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli ^(*)	6187-1:2019	100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu ^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC SINH HOẠT 62” trên đạt 12 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCDP 01:2022/HN.

Hà Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2024
KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ KHOA XN-CĐHA-TDCN



GIÁM ĐỐC

Vũ Hải Giang

Nguyễn Trung Thành Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 116/XN-KSBT)

- Tên mẫu: NƯỚC SINH HOẠT 61
- Mã số mẫu: 24.12.13 - 116/GS - NSH
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 13/12/2024
- Ngày nhận mẫu: 13/12/2024
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 13/12/2024 đến 24/12/2024.
- Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Liêm Tuyền.

Địa chỉ: Liêm Tuyền, Phủ Lý, Hà Nam.

- Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 20 ngày 13/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCĐP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		8,4	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	1,44	2
6	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194: 1996	mg/L	65,2	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	TCVN 6224:1996	mg/L	154	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	282	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms ^(*)	TCVN	CFU/100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli ^(*)	6187-1:2019	100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC SINH HOẠT 61” trên đạt 12 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo QCĐP 01:2022/HN.

Hà Nam, ngày 24 tháng 12 năm 2024

KIỂM NGHIỆM VIÊN

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KHOA XN-CDHA-TDCN



GIÁM ĐỐC
VŨ KIM

Vũ Hải Giang

Nguyễn Trung Thành Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-75 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Email: info@etohi.vn



VIAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017:10559

Số: I.07249a/2024/PKQ/24.3977

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng

Địa chỉ

Địa điểm quan trắc

Loại mẫu

Ngày quan trắc

Thời gian thử nghiệm

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam

Trường Chinh, Minh Khai, Phú Lý, Hà Nam

Trạm cấp nước Liêm Tuyên

Nước sinh hoạt

13/12/2024

13/12/2024 - 30/12/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCSS
				241213.NSH.031	241213.NSH.032	241213.NSH.033	
1	Clo dư tự do ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,36	0,3	0,3	0,2 ÷ 1
2	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
3	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	1	1,1	1,4	2
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,27	0,26	0,23	0,3
5	Mangan (Mn) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	<0,0300	0,1
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6180:1996	1,13	1,13	1,01	2
7	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	0,05
8	Sắt (Fe) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3500.Fe.B:2023	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,3

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 1/2

9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)*	mg/L	SMEWW 4500-SO42-.E:2023	<4,5	<4,5	<4,5	250
---	---	------	-------------------------	------	------	------	-----

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCSS: Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng theo QCDP 01:2022/HN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- 241213.NSH.031 - NSH061: Mẫu nước sinh hoạt tại nhà máy;
- 241213.NSH.032 - NSH062: Mẫu nước tại HGD: Đình Văn Quán - Ngái Tri, Liêm Tuyên, Phú Lý, Hà Nam;
- 241213.NSH.033 - NSH063: Mẫu nước tại HGD: Nguyễn Thị Dung - thôn Văn Lâm, Liêm Tiết, Phú Lý, Hà Nam.

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Nguyễn Quang Nhật



TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 086.690.2688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vinceris 306
ISO/IEC 17025:2017

Số: I.07249b/2024/PPQ/24.3977

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
Địa chỉ: Trường Chinh, Minh Khai, Phú Lý, Hà Nam
Địa điểm quan trắc: Trạm cấp nước Liêm Tuyền
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày quan trắc: 13/12/2024
Thời gian thử nghiệm: 13/12/2024 - 30/12/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCSS
				241213. NSH.031	241213. NSH.032	241213. NSH.033	
1	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
2	Tổng Crom (Cr) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,05
3	Xianua (CN) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,05
4	Đồng (Cu) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	1
5	Florua (F) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	1,5
6	Nhôm (Al) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0409	0,0506	0,0423	0,2
7	Niken (Ni) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0021	<0,0021	<0,0021	0,07

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

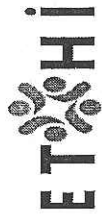
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 1/3





VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Yimcerts 306

8	Selen (Se) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0007)	KPH (LOD=0,0007)	KPH (LOD=0,0007)	0,01
9	Thủy ngân (Hg) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,00026)	KPH (LOD=0,00026)	KPH (LOD=0,00026)	0,001
10	Vinyl clorua ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
11	Carbon tetrachloride ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
12	Tetrachloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	40
13	Trichloroethene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
14	Benzen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	10
15	Phenol và dẫn xuất của phenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1
16	Styrene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
17	DDT và các dẫn xuất ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
18	Bromat ⁽⁺⁾	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	10
19	Bromodichloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	60
20	Bromoform ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	100
21	Chloroform ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	300
22	Dibromochloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	100
23	Formaldehyde ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	900
24	Monochloramine ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	3
25	Trichloroaxetonitril ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

26	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(+)}$	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,1
27	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(+)}$	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCSS: Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng theo QCDP 01:2022/HN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- 241213.NSH.031 - NSH061: Mẫu nước sinh hoạt tại nhà máy;
- 241213.NSH.032 - NSH062: Mẫu nước tại HGD: Đình Văn Quân - Ngải Trì, Liêm Tuyền, Phú Lý, Hà Nam;
- 241213.NSH.033 - NSH063: Mẫu nước tại HGD: Nguyễn Thị Dung - thôn Văn Lâm, Liêm Tiết, Phú Lý, Hà Nam.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Nguyễn Quang Nhật

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

VIỆN TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung



1. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

